

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 10/7/2020, Ngân hàng TMCP Q (V) ký với ông Nguyễn Thanh P hợp đồng tín dụng số 9766560.20 cho ông Phú vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích mua ô tô nhãn hiệu HUYNDAI loại KONA. Thời hạn vay 84 tháng từ ngày 14/7/2020 đến 13/7/2027. Lãi suất ưu đãi tại thời điểm giải ngân là 9,4%/năm, áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Hết thời hạn ưu đãi lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày mùng 10, mỗi tháng trả 5.360.000 đồng, phần còn lại trả vào cuối kỳ. Lãi trả hàng tháng vào ngày 10, ngày trả nợ đầu tiên là ngày 10/8/2020. Trả phí theo quy định của V từng thời kỳ. Lãi quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ngày 13/7/2020 V đã giải ngân cho ông P theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 1028875.20, số tiền 450.000.000 đồng.

Ngày 12/10/2021 Ngân hàng TMCP Q (V) tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 4856339.21 cho ông P vay số tiền 27.600.000 đồng, mục đích tiêu dùng, thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày giải ngân đến 22/10/2023. Lãi suất 12,5%, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm cộng biên độ 4,1%/năm. Hết thời hạn ưu đãi trên, lãi suất sẽ điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở VNĐ cộng biên độ 4,39%/năm. Hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 20, mỗi tháng trả 1.150.000 đồng, tháng cuối cùng trả số tiền còn lại. Lãi trả vào ngày 20 hàng tháng kỳ trả nợ đầu tiên 20/11/2021. Ngày 22/10/2021 VIB đã giải ngân cho ông P theo Đơn đề nghị giải ngân kèm Khế ước nhận nợ số 6239062.21 với số tiền 27.600.000 đồng.

Ngày 02/3/2021, ông Nguyễn Thanh P có đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản. Ngày 22/3/2021 Ngân hàng TMCP Q (V) đã phát hành thẻ tín dụng cho ông P hạn mức 45.000.000 đồng, loại thẻ HAPPY DRIVE, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất theo quy định trong từng thời kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Cụ thể đối với hợp đồng số 9766560.20 vi phạm từ ngày 11.12.2020; hợp đồng số 4856339.21 vi phạm từ ngày 21.12.2021.

Tạm tính đến ngày 27/9/2022, ông Nguyễn Thanh P đã thanh toán cho V số tiền 142.419.886 đồng trong đó gốc là 86.910.000 đồng, lãi là 55.509.886 đồng;

tạm tính đến ngày 27/9/2022, ông P còn nợ V tổng số tiền 493.045.794 đồng bao gồm: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 9766560.20 ngày 10/07/2020 là 420.418.349 đồng, nợ gốc là: 358.880.000đồng, nợ lãi trong hạn là: 7.032.343 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.506.006 đồng. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 4856339.21 ngày 12/10/2021 là 28.817.740 đồng trong đó nợ gốc là 25.300.000 đồng, nợ lãi là: 3.517.740 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng là: 43.809.705 đồng.

Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho ngân hàng tổng cộng 493.045.794 đồng và phải trả lãi, lãi quá hạn tính từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm về vụ án như sau:

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa và những tình tiết của vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng và việc cấp hạn mức tín dụng thông qua hình thức thẻ tín dụng Ngân hàng giữa Ngân hàng TMCP Q với ông Nguyễn Thanh P, căn cứ Đơn đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế thể hiện địa chỉ của bị đơn tại phường B, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết vụ án là đúng về thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý vụ án và Thông báo hòa giải, công khai chứng cứ cho ông Nguyễn Thanh P theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Qua xác minh thể hiện ông P không sinh sống tại địa phương, hiện ông P đi đâu không rõ, ông P đi từ năm 2021. Tòa án đã niêm yết đầy

đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú nhưng bị đơn không có bất kỳ văn bản phản hồi nào và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt ông P theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 27/9/2022 là 493.045.794 đồng trong đó: Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 9766560.20 ngày 10/07/2020 là 420.418.349 đồng, nợ gốc là: 358.880.000 đồng, nợ lãi trong hạn là: 7.032.343 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.506.006 đồng; Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 4856339.21 ngày 12/10/2021 là 28.817.740 đồng trong đó nợ gốc là 25.300.000 đồng, nợ lãi là: 3.517.740 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng là: 43.809.705 đồng.

Buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả lãi kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi ông P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký với Ngân hàng TMCP Q.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Vào ngày 10/7/2020, Ngân hàng TMCP Q ký với ông P hợp đồng tín dụng số 9766560.20 cho vay số tiền 450.000.000 đồng, mục đích mua ô tô hiệu HUYNDAI KONA. Thời hạn vay 84 tháng từ ngày 14/7/2020 đến 13/7/2027. Lãi suất 9,4%/năm

Ngày 12/10/2021 Ngân hàng tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 4856339.21 cho ông P vay 27.600.000 đồng mục đích tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay 24 tháng tính từ ngày giải ngân đến 22/10/2023. Lãi suất 12,5%.

Ngày 22/3/2021 Ngân hàng đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Phú với hạn mức 45.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất theo quy định trong từng thời kỳ.

Xét thấy Hợp đồng tín dụng và Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế được ký kết giữa ông Nguyễn Thanh P với Ngân hàng TMCP Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng về chủ thể, nội dung Hợp đồng phù hợp với quy định Bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông P đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng số 9766560.20 kể từ ngày 11.12.2021; vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Hợp đồng số 4856339.21 kể từ ngày 21.12.2021; không tuân thủ các điều khoản đã ký trong hợp đồng; tham gia sử dụng thẻ nhưng không tuân thủ quy định về nghĩa vụ của chủ thẻ, không trả nợ theo đúng kỳ hạn, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 27/9/2022, ông Nguyễn Thanh P còn nợ Ngân hàng tổng cộng: 493.045.794 đồng bao gồm: Dư

nợ theo hợp đồng tín dụng số 9766560.20 ngày 10/07/2020 là 420.418.349 đồng trong đó nợ gốc là: 358.880.000đồng, nợ lãi trong hạn là: 7.032.343 đồng, nợ lãi quá hạn là 54.506.006 đồng. Dư nợ theo hợp đồng tín dụng số 4856339.21 ngày 12/10/2021 là 28.817.740 đồng trong đó nợ gốc là 25.300.000 đồng, nợ lãi là: 3.517.740 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng là: 43.809.705 đồng.

Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Nguyễn Thanh P phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền 493.045.794 đồng trong đó nợ gốc theo hợp đồng tín dụng là 384.180.000 đồng, nợ lãi là 65.506.089 đồng, nợ thẻ tín dụng 43.809.705 đồng.

Ông Nguyễn Thanh P phải tiếp tục trả lãi theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Q.

[4] Về án phí, do toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 15 Điều 4, Khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng” của Ngân hàng TMCP Q đối với ông Nguyễn Thanh P.

1. Buộc ông Nguyễn Thanh P phải trả cho Ngân hàng TMCP Q 493.045.794 (Bốn trăm chín mươi ba triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm chín mươi tư) đồng bao gồm: nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 9766560.20 ngày 10/07/2020 là: 358.880.000đồng, nợ lãi là: 61.538.349 đồng; nợ gốc theo hợp đồng tín dụng số 4856339.21 ngày 12/10/2021 là 25.300.000 đồng, nợ lãi là: 3.517.740 đồng; Dư nợ thẻ tín dụng là: 43.809.705 đồng.

Lãi suất tiếp tục được tính kể từ ngày 28/9/2022 theo hợp đồng tín dụng số 9766560.20 ngày 10/07/2020 và Khế ước nhận nợ số 1028875.20, hợp đồng tín dụng số 4856339.21 ngày 12/10/2021 và Khế ước nhận nợ số 6239062.21 được ký

kết giữa ông Nguyễn Thanh P và Ngân hàng TMCP Q cho đến khi ông Nguyễn Thanh P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Thanh P phải chịu 23.721.832 (Hai mươi ba triệu, bảy trăm hai mươi một nghìn, tám trăm ba mươi hai) đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.819.299 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005865 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Đường sự;
- Chi cục THA DS quận Hải Châu;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

